TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/DS-ST

Ngày: 15-4-2026.

V/v: Tranh chấp kiện đòi lại tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Thanh Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lý Văn Tuyên**

Ông **Đàm Văn Nhạ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Huyền Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà **Mã Ngọc Cẩm**- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2026, tại: Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2025 về:*"Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXX-ST ngày 27 tháng 2 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ C, phường B, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Anh Triệu Quang H, sinh năm 1999 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Thái Nguyên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nông Thị D (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã X, tỉnh Thái Nguyên.

+ Anh Bàn Quý T1 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn N, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

+ Ông Đỗ Hoàng T2 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/10/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Ngày 09/6/2024 anh T có mua một chiếc xe nhãn hiệu Chevrolet Cruze biển kiểm soát 30E-04129 của anh Triệu Quang H do anh Bàn Quý T1 bán giúp anh H. Anh H nhờ anh T1 bán chiếc xe với giá trên giấy bán xe là 215.000.000đ tuy nhiên trên thực tế anh T chỉ mua và thanh toán với số tiền là 213.000.000đ (hai trăm mười ba triệu đồng). Anh T đã thanh toán đủ số tiền 213.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản qua số tài khoản mang tên Đỗ Hoàng T2 do anh H cung cấp. Trong quá trình anh T làm thủ tục rút hồ sơ để sang tên chủ sở hữu phương tiện thì phát hiện toàn bộ giấy tờ gồm đăng ký xe và đăng kiểm là giấy tờ giả. Sau khi anh T phát hiện giấy tờ xe là giả, anh T đã liên hệ với anh H và bà Nông Thị D là mẹ đẻ của anh H để yêu cầu trả lại xe và lấy lại tiền mua xe. Ngày 06/8/2024 anh T mang xe ô tô đến nhà để trả lại cho anh H thì có bà Nông Thị D là mẹ đẻ của anh H đứng ra nhận xe cùng anh H và viết cho anh T giấy cam kết hoàn trả tiền mà anh T đã trả cho anh H khi mua xe. Anh H và Bà D cam kết nhận lại xe và sẽ hoàn trả đầy đủ số tiền 213.000.000đ cho anh T trong thời hạn 05 ngày sau khi nhận lại xe. Tuy nhiên đến nay anh H mới trả cho anh T số tiền 53.000.000đ và còn nợ lại 160.000.000đ. Do đó, anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh Triệu Quang H phải trả cho anh T số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng) còn lại, không yêu cầu trả lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2025 và đơn không nhất trí với đơn khởi kiện bị đơn Anh Triệu Quang H trình bày:

Ngày 16/5/2024 anh Triệu Quang H có mua chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze biển kiểm soát 30E-04129 của một người đàn ông tên Đỗ Trần T3 tại ngã tư Quán T, thành phố Hải Phòng (anh H không rõ địa chỉ của người này) với giá 188.000.000đ. Do không hiểu biết nên khi mua xe anh H không viết giấy mua bán xe. Sau khi mua xe được một thời gian, do anh H cần tiền nên đã mang chiếc xe cầm cố tại nhà ông Đỗ Hoàng T2, địa chỉ: Thôn C, xã V, tỉnh Thái Nguyên với số tiền là 100.000.000đ. Sau khi cầm cố chiếc xe, do không có khả năng để lấy lại xe nên anh H đã rao bán xe và được anh Bàn Quý T1 giới thiệu người mua xe là anh Trần Văn T. Do bận không về bán xe được nên anh H đã nhờ anh T1 đứng ra dẫn anh T đi xem xe và viết giấy bán xe cho anh T. Anh H đã bán chiếc xe cho anh T với giá là 213.000.000đ, anh T đã thanh toán đầy đủ số tiền mua xe cho anh H bằng phương thức chuyển khoản thông qua tài khoản của ông Đỗ Hoàng T2. Anh T1 là người đứng ra bán xe cho anh H nhưng anh T1 không được hưởng lợi ích gì từ việc bán xe. Sau khi mua xe được một thời gian thì anh T đã bán chiếc xe cho chị Lê T4 (Auto H) và chị T4 đã bán lại xe cho người khác. Trong khi đi rút hồ sơ để làm thủ tục sang tên đổi chủ thì phát hiện toàn bộ giấy tờ gồm đăng ký xe và đăng kiểm là giấy tờ giả. Anh T đã liên hệ với anh H và bà Nông Thị D bắt anh H và bà D nhận lại chiếc xe và trả lại số tiền 213.000.0000đ cho anh T trong vòng 5 ngày, anh H đồng ý nhận lại xe và cam kết sẽ trả lại đủ số tiền đã nhận của anh T. Việc mua bán xe, sau đó nhận lại xe và bán sắt vụn đối với chiếc xe ô tô nêu trên không liên quan gì đến mẹ anh H, anh H sẽ tự chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp với anh T, không

liên quan đến bà D là mẹ anh H. Sau khi nhận lại chiếc xe anh H đã mang đi bán sắt vụn được số tiền 77.000.000đ và trả cho anh T số tiền 53.000.000đ. Nay anh T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H trả cho anh T số tiền 160.000.000đ, anh H không nhất trí trả cho anh T số tiền 160.000.000đ vì anh H không biết giấy tờ xe đã bán cho anh T là giả. Nay anh H chỉ nhất trí trả cho anh T số tiền 100.000.000,đ.

Tại bản tự khai ngày 11/11/2025 và tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Bàn Quý T1 trình bày:

Ngày 09/6/2024, anh Triệu Quang H có nhờ anh T1 đứng ra bán chiếc xe nhãn hiệu Chevrolet Cruze biển kiểm soát 30E-04129 cho anh Trần Văn T. Anh T1 đã đứng ra giúp anh H viết giấy bán xe với anh T, giá tiền bán xe ghi trên giấy là 215.000.000đ tuy nhiên anh T chỉ mua với giá là 213.000.000đ. Sau khi viết giấy bán xe xong anh T đã thanh toán đầy đủ số tiền 213.000.000đ cho anh H thông qua phương thức chuyển khoản vào số tài khoản của ông Đỗ Hoàng T2. Anh T1 chỉ bán xe giúp anh H chứ anh T1 không được hưởng lợi gì từ việc bán xe nên nay anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H trả cho anhThanh số tiền mua xe thì anh T và anh Hà T5 thỏa thuận giải quyết với nhau, anh T1 không liên quan gì.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 26/11/2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị D trình bày:

Ngày 06/8/2024 anh Trần Văn T mang chiếc xe nhãn hiệu Chevrolet Cruze biển kiểm soát 30E-04129 đến nhà bà D và nói với bà D là anh H là con trai của bà D đã bán cho anh T chiếc xe và giấy tờ của chiếc xe là giấy tờ giả. Anh T bắt bà D nhận lại chiếc xe và dọa là nếu không nhận lại xe thì sẽ báo Công an bắt anh H đi tù. Do lo sợ nên bà D đã đứng ra cùng với anh H viết giấy cam kết hoàn trả tiền đã mua xe cho anh T. Tuy nhiên, bà D không biết việc mua bán xe giữa anh H và anh T, không biết giấy tờ của chiếc xe là giấy tờ giả. Sau khi nhận lại chiếc xe thì anh H đã bán lại chiếc xe cho người khác, bà D không biết anh H bán xe cho ai, chỉ thấy anh H nói lại là bán xe được 77.000.000đ và đã trả cho anh T số tiền 50.000.000d, số tiền còn lại bà D không biết anh H dùng vào việc gì. Nay anh T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H trả cho anh T số tiền mua xe, anh H đã trưởng thành nên anh H phải tự chịu trách nhiệm về khoản nợ của mình. Bà D không biết việc anh H bán xe và không được sử dụng số tiền bán xe nên không liên quan gì.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2026 và đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hoàng T2 trình bày:

Khoảng năm 2025 (ông Thám K nhớ rõ thời gian cụ thể) anh Triệu Quang H mang chiếc xe nhãn hiệu Chevrolet Cruze biển kiểm soát 30E-04129 đến cầm cố tại nhà ông T2. Sau một thời gian anh H có gọi cho anh T đến xem xe để bán. Anh H có gọi điện cho ông T2 là do bận không về được nên nhờ anh Bàn Q T1 đứng ra bán xe hộ. Tại thời điểm anh H bán xe cho anh T, ông T2 nhất trí để cho anh H bán xe. Ông Thám K biết việc anh H và anh T thỏa thuận mua bán xe với nhau như nào. Khi anh T đến mua xe thì anh T có nhờ ông T2 làm người làm

chứng ký tên vào giấy mua bán xe và anh T chuyển khoản tiền mua xe qua số tài khoản của ông T2 theo ý kiến của anh H với số tiền là 213.000.000đ. Sau khi nhận được tiền, ông T2 đã chuyển lại cho anh H đủ số tiền bán xe. Ông Thám K biết việc giấy tờ của chiếc xe bán cho anh T là giấy tờ giả. Ông Thám K liên quan gì đến việc anh H bán xe cho anh T.

Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Triệu Quang H, tuy nhiên anh H đều không có mặt ở nhà. Theo xác minh bị đơn vẫn sinh sống tại thôn C, xã X, tỉnh Thái Nguyên nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H vẫn không có mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Trần Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh T trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Cụ thể: Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Triệu Quang H phải trả lại cho anh T số tiền 160.000.000đ. Về án phí: Anh Triệu Quang H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa chấp hành quy định của pháp luật trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật của vụ việc là "Tranh chấp kiện đòi tài sản".

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2025)*; căn cứ vào các Điều 166, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn T. Buộc anh Triệu Quang H phải trả cho anh Trần Văn T số tiền 160.000.000đ và phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết*:* Nguyên đơn anh Trần Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp đòi lại tài sản với anh Triệu Quang H. Bị đơn anh

Triệu Quang H có nơi cư trú tại: Thôn C, xã X, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2025)* thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thái Nguyên.

Trước khi khởi kiện vụ án dân sự đòi lại tài sản thì anh Trần Văn T đã có đơn yêu cầu cơ quan Công an xem xét xử lý anh Triệu Quang H về hành vi sử dụng tài liệu, giấy tờ giả và hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tại Thông báo số 254/TB-PC01, ngày 12/8/2024 của Văn phòng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh T và Công văn số 1114/CV-CANR, ngày 12/9/2024 của Công an huyện N đều thể hiện không có đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với anh Triệu Quang H, xác định đây là quan hệ dân sự và hướng dẫn anh T khởi kiện vụ án tại Tòa án theo quy định. Như vậy, TAND khu vực 8 - Thái Nguyên thụ lý, giải quyết vụ việc là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ tranh chấp: Quá trình giải quyết vụ án xác định nguyên đơn anh Trần Văn T có giao dịch và lập hợp đồng mua bán tài sản là chiếc ô tô với anh Triệu Quang H, sau khi giao kết hợp đồng nguyên đơn anh Trần Văn T đã nhận chiếc xe ô tô và thanh toán đủ số tiền cho anh Triệu Quang H nên Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Tuy nhiên, quá trình xây dựng hồ sơ vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với quy định của Bộ luật Dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự thấy rằng: Sau khi phát hiện giấy tờ đăng ký xe ô tô và đăng kiểm xe ô tô là giả thì anh T đã liên hệ với anh H để trả lại xe và anh H thực tế đã nhận lại xe đồng thời viết giấy cam kết trả lại số tiền 213.000.000,đ đã nhận của anh T khi bán xe vào ngày 06/8/2024 . Như vậy, ngày 06/8/2024 bên bán xe là anh H và bên mua xe là anh T đã thống nhất chấm dứt việc thực hiện hợp đồng mua bán xe, anh H đã viết giấy cam kết có nghĩa vụ trả lại số tiền đã nhận khi bán xe cho anh T trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận lại xe. Do đó, quan hệ hợp đồng mua bán tài sản giữa các bên đã chấm dứt từ ngày 06/8/2024 theo quy định tại khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015. Việc anh H vi phạm nghĩa vụ trả lại tài sản (tiền) đã nhận khi bán xe cho anh T theo giấy cam kết khi anh H nhận lại xe cần phải xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản" mới phản ảnh đúng bản chất quan hệ pháp lý của vụ việc và đúng quy định của pháp luật. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, HĐXX xác định lại quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp kiện đòi lại tài sản".

Bị đơn anh Triệu Quang H đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nguyên đơn anh Trần Văn T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị D, ông Đỗ Hoàng T2, anh Bàn Quý T1 đều vắng mặt và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Toà án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án do bị đơn anh H không hợp tác, không đến Tòa án để làm việc nên nguyên đơn anh Trần Văn T đề nghị Tòa án không tiến

hành hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải. Kết quả phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ cho bị đơn.

[2] Về yêu nội dung vụ án, yêu cầu giải quyết của nguyên đơn: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Trần Văn T khởi kiện yêu cầu anh Triệu Quang H phải trả lại cho anh T số tiền 160.000.000đ còn thiếu mà anh H đã nhận của anh T khi mua bán xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze biển kiểm soát 30E-04129 là có cơ sở. Bởi lẽ, việc anh T trả lại xe cho anh H và yêu cầu anh H trả lại số tiền mua xe là 213.000.000đ được xác lập bằng giấy cam kết hoàn trả tiền và tài sản ngày 06/8/2024 và giấy cam kết trả tiền ngày 27/12/2024. Trong giấy cam kết thể hiện rõ số tiền và thời gian anh H phải trả tiền cho anh T. Các điều khoản thỏa thuận giữa các bên được ghi nhận trong giấy cam kết không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Trong giấy cam kết trả tiền ngày 27/12/2024 các bên cũng đã xác định số tiền còn nợ lại là 160.000.000đ và sẽ trả góp mỗi tháng 15.000.000đ đến 20.000.000đ cho đến khi hết nợ nhưng thực tế anh Triệu Quang H không thực hiện đúng như cam kết. Như vậy, có đầy đủ cơ sở để xác định việc anh Triệu Quang H đã nhận của anh Trần Văn T số tiền 213.000.000,đ để bán cho anh T 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Cruze biển kiểm soát 30E-04129, khi anh T làm thủ tục rút hồ sơ xe thì phát hiện đăng ký xe và giấy đăng kiểm xe là giả nên các bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng mua bán chiếc xe ô tô nói trên, anh H đã nhận lại chiếc xe ô tô đã bán cho anh T và viết giấy cam kết trả lại số tiền đã nhận của anh T trong thời hạn 05 ngày, nhưng sau đó anh H chỉ trả được cho anh T số tiền 53.000.000,đ còn nợ anh Trần Văn T số tiền 160.000.000,đ. Do đó, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T.

Về trình bày của bị đơn anh Triệu Quang H, Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh H trình bày chỉ nhất trí trả cho anh T số tiền 100.000.000,đ do chiếc xe mà anh H bán cho anh T là xe anh H mua lại của người khác và anh H cũng không biết chiếc xe anh H bán cho anh T có giấy tờ xe là giả, ý kiến này của anh H không thuyết phục, không có căn cứ chấp nhận. Việc anh H bán xe cho anh T thì anh H phải cam kết tài sản mình bán cho người khác là tài sản hợp pháp của mình và người mua phải thực hiện được việc rút hồ sơ để làm thủ tục sang tên chủ sở hữu phương tiện theo quy định của pháp luật. Hơn nữa, khi anh T phát hiện giấy tờ xe ô tô là giả và liên hệ yêu cầu trả lại xe để lấy lại tiền thì anh H đã chấp nhận, thể hiện qua việc anh H nhận lại chiếc xe đã bán và viết giấy cam kết trả lại số tiền đã nhận của anh T khi bán xe. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh H đến Tòa án để cùng thương lượng, thỏa thuận với anh T nhằm giải quyết vụ việc theo hướng tự thỏa thuận nhưng anh H đều không đến Tòa án để làm việc, qua xác minh tại địa phương thì anh H vẫn có mặt tại địa phương, anh H biết được việc tòa án triệu tập làm việc nhưng cố tình không đến, gây khó khăn, kéo dài quá trình giải quyết vụ án, điều đó thể

hiện ý thức của anh H thiếu thiện chí trong việc giải quyết vụ việc, trì hoãn việc thực hiện nghĩa vụ trả lại tiền cho anh T.

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015 thì chủ sỡ hữu có quyền yêu cầu người đang chiếm hữu tài sản của mình phải trả lại tài sản đó. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị đơn anh Triệu Quang H phải có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn anh Trần Văn T số tiền 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn anh Trần Văn T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện do đó bị đơn anh Triệu Quang H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn anh Trần Văn T không phải chịu tiền án phí nên được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứn án phí, lệ phí Tòa án số 0002005 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên với số tiền 4.050.000đ (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn).

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các Điều 220, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2025)*;

Căn cứ vào các Điều 166, 275, 280, 351, 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Triệu Quang H phải trả lại cho anh Trần Văn T tổng số tiền là 160.000.000,đ (một trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

- Anh Triệu Quang H phải chịu 8.000.000,đ (tám triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Trả lại cho anhTrần Văn T6 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.050.000đ (bốn triệu không trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002005 ngày 04/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm hợp lệ yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án phần bản án trực tiếp liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm hợp lệ yết theo quy định của pháp luật.

" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thái Nguyên;*
- *VKSND khu vực 8;*
- *Các đương sự;*
- *Phòng THADS khu vực 8 - Thái Nguyên;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Thanh Bình